ÔN TẬP HOÁ HỌC 10

1. Cho các cấu hình e sau: (1) $1s^22s^22p^4$, (2) $1s^22s^42p^4$, (3) $1s^22s^22p^63s^23p^3$,

(4) $1s^22s^22p^63s^23p^64s^1$, (5) $1s^2$, $2s^22p^63s^23p^64s^24p^1$. Những cấu hình e đúng là

A. (1), (2), (3) B. (1), (3), (4)

C. (2), (3), (5) D. (1), (3), (4), (5)

2. Số hiệu nguyên tử của nguyên tố Mn bằng 25. Cấu hình e nguyên tử của Mn là:

A. $1s^22s^22p^63s^23p^64s^23d^5$ B. $1s^22s^22p^63s^23p^63d^54s^2$

C. $1s^22s^22p^63s^23p^64s^24p^5$ D. $1s^22s^22p^63s^23p^63d^24s^24p^3$

3 /Hỗn hợp gồm NaCl và NaBr. Cho hỗn hợp tác dụng với dd $AgNO_3$ dư thì tạo ra kết tủa có khối lượng bằng khối lượng của $AgNO_3$ đã tham gia phản ứng. Thành phần % theo khối lượng của NaCl trong hỗn hợp đầu là:

A. 27,84% B. 15,2% C. 13,4% D. 24,5%

4/ Hòa tan hoàn toàn 23,8g hỗn hợp gồm một muối cacbonat của một kim loại hóa trị I và một muối cacbonat của một kim loại hóa trị II trong axit HCl dư thi tạo thành 4,48 lit khí ở đktc và dd X. Cô cạn dd X thì thu được bao nhiêu gam muối khan?

A. 38,0g. B. 26,0g. C. 2,60g. D. 3,8g.

5/ Hoà tan hoàn toàn 104,25 gam hỗn hợp X gồm NaCl và NaI vào nước được dung dịch A. Sục khí Cl_2 dư vào dung dịch A. Kết thúc thí nghiệm, cô cạn dung dịch thu được 58,5 gam muối khan. Khối lượng NaCl có trong hỗn hợp X là

A. 29,25 gam. B. 58,5 gam. C. 17,55 gam. D. 23,4 gam.

6/ Cho 13,5g kim loại hóa trị III tác dụng với Cl_2 dư thu được 66,75g muối. Kim loại đó là

A – Fe (sắt) B – Cr (crom) C – Al (nhôm) D – As (asen)

7-Điện phân nóng chảy hoàn toàn 14,9 gam muối clorua của kim loại hoá trị I thu được 2,24 lit khí ở anốt (đktc). Kim loại đó là

A. Na B. Li C. Cs D. K

9. Hỗn hợp khí O_2 và O_3 có tỉ khối hơi so với H_2 bằng 20. Dẫn 2,24 lít hỗn hợp khí trên đi qua dung dịch KI dư. Tính khối lượng iot tạo thành?

A. 17,2 g B. 12,7 g C. 6,35 g D. 8,6g

10. Đốt nóng hoàn toàn một hỗn hợp gồm 5,4 gam Al và 6,72 gam S. Sau khi phản ứng kết thúc thu được hỗn hợp chất rắn A. Cho A tác dụng hoàn toàn với dung dịch HCl dư thu được hỗn hợp khí B. Xác định khối lượng B?

LIVEWORKSHEETS

A. 7,24 gam B. 7,32 gam C. 8,64 gam D.3,14 gam

11. Cho m gam hỗn hợp Fe và Cu tác dụng hoàn toàn với S dư thu được 18,08 gam hỗn hợp hai muối. Cho hỗn hợp hai muối tác dụng với dung dịch H_2SO_4 dư, sau phản ứng thu được 4,48 lít khí (đktc). Xác định giá trị của m?

A. 11,68 gam B. 11,52 gam C. 12,4 gam D. 7,32 gam

12. Cho phương trình phản ứng:

$H_2S + 4Cl_2 + 4H_2O \rightarrow H_2SO_4 + 8HCl$

Câu nào diễn tả đúng tính chất của các chất trong phản ứng?

A. H_2S là chất oxi hóa, clo là chất khử B. H_2S là chất khử, clo là chất oxi hóa.

C. H_2S là chất khử, nước là chất oxi hóa D. Clo là chất oxi hóa, nước là chất khử.

13. Khẳng định nào sau đây là ***sai*** về muối sunfua?

A. Muối sunfua của các kim loại nhóm IA, II A đều tan trong nước và axit loãng.

B. Muối sunfua của các kim loại nặng như: PbS, CuS…không tan trong nước và axit loãng.

C. Muối sunfua của các kim loại như: ZnS, FeS…không tan trong nước nhưng tan trong dd axit loãng.

D. Một số muối sunfua có màu dùng để nhận biết muối sunfua.

14. Xác định các hệ số của phản ứng sau

$H_2S + KMnO_4 + H_2SO_4 \rightarrow S + MnSO_4 + K_2SO_4 + H_2O$

A. 5, 2, 3, 5, 2, 1, 8 B. 5, 3, 2, 5, 2, 1, 8

C. 5, 2, 2, 5, 3, 1, 7 D. 2, 1, 2, 2, 1, 1, 4

15 Cho 12 gam hỗn hợp hai kim loại Fe, Cu tác dụng vừa đủ với dung dịch HNO_3 63%. Sau phản ứng thu được dung dịch A và 11,2 lit khí NO_2 (đktc).Tính nồng độ % các chất có trong dung dịch A.

A. 36,66% và 28,48%. B. 27,19% và 21,12%.

C. 27,19% và 72,81%. D. 78,88% và 21,12%.

16. Nhiệt phân hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm $CaCO_3$ và Na_2CO_3 thu được 11,6 gam chất rắn và 2,24 lít khí (đktc). Hàm lượng % $CaCO_3$ trong X là

A. 6,25%. B. 8,62%. C. 50,2%. D. 62,5%.

LIVEWORKSHEETS